TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2025/DS-ST Ngày: 07/02/2025 "V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam

2. Ông Lê Văn Đáng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2024/TLST-DS, ngày 15/10/2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-DS, ngày 31/12/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 25/2025/QĐST-DS, ngày 16/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1. Địa chỉ trụ sở: số B L, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N1.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Toàn V: Bà Trần Thị Hồng G, chức vụ: Giám đốc A - Chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: Số G, khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Theo Quyết định số 2664/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Hồng G: Ông Trần Trọng K: Phó Giám đốc A - Chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: Số G, khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Theo giấy uỷ quyền số 29 ngày 05/11/2024). Xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Bà Lâm Thị Hồng N, sinh năm 1964. Vắng mặt

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Văn T, sinh năm 1962. Vắng mặt

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu như sau:

Vào ngày 29/9/2021 bà Lâm Thị Hồng N có ký hợp đồng tín dụng số 7408LAV202103003 vay tiền Ngân hàng N1 bao gồm hai khoản vay như sau:

Khoản vay thứ nhất : Số tiền vay 120.000.000 đồng, mục đích vay là mua bán cá biển các loại. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay là 7%/ năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả 10%/ năm.

Khoản vay thứ hai: Số tiền vay 70.000.000 đồng, mục đích vay là mua vật tư sửa chữa nhà ở. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay là 9%/ năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả 10%/ năm.

Khi vay thì bà N không có thế chấp tài sản đảm bảo, tuy nhiên bà N có gửi giữ ba giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Thửa số 170, tờ bản đồ số 9, diện tích 960 m^2 loại đất nuôi trồng thuỷ sản; thửa số 268, tờ bản đồ số 9 , diện tích 2.680 m^2 loại đất trồng lúa nước còn lại, đất cùng toạ lạc ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Đặng Văn T đứng tên. Thửa số 4302, tờ bản đồ số 7, diện tích 121 m^2 loại đất trồng cây lâu năm toạ lạc ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Đặng Văn T đứng tên.

Quá trình vay đến hạn bà N không trả lãi, trả gốc theo hợp đồng đã ký, bà N đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà N phải trả nợ gốc của hai khoản vay là 190.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 30/8/2024 là 65.357.187 đồng; tổng cộng 255.357.187 đồng và các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi trả xong nợ gốc.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang thụ lý vụ án, tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, phía bị đơn bà Lâm Thị Hồng N, ông Đặng Văn T là chồng bà N đều vắng mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ. Việc bà N, ông T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, Điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự thì được coi là bà N, ông T cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào Điều 6 Nghị Quyết số 04, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối Cao. Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang tiến hành niêm yết và xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 463; 465; 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 buộc bà Lâm Thị Hồng N phải trả nợ gốc và lãi của khoản vay thứ nhất là 157.346.946 đồng, khoản vay thứ hai là 98.010.785 đồng và buộc bà Lâm Thị Hồng N phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 31/8/2024 cho đến khi trả xong nợ gốc. Về án phí buộc bà N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn và nơi thực hiện giao dịch dân sự tranh chấp trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu bà Lâm Thị Hồng N phải trả số tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về bị đơn bà bà Lâm Thị Hồng N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên hòa giải, phiên tòa và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Phía Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng, bà N và ông T.

[2] Về nội dung:

- Xét về hợp đồng tín dụng đề ngày 29/9/2021 thì bà Lâm Thị Hồng N có ký tên vay tiền.

- Xét về giấy nhận nợ đề ngày 29/9/2021 thì bà N có ký tên nhận tiền, tổng số tiền là 190.000.000 đồng.

- Xét về thời gian sau khi vay cho đến khi hết hạn hợp đồng thì bà N không trả lãi, trả nợ gốc cho Ngân hàng, hiện nay số nợ này đã quá hạn nhưng bà N cũng chưa trả được khoản tiền nào. Như vậy bà N đã vi phạm hợp đồng cho nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N phải trả nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 30/8/2024 là 255357.187 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ gốc là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét về quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các Điều 35; 39; 147; 157; 227; 228; 238; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463; 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban ư ờ ng"Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1.

Buộc bà Lâm Thị Hồng N phải trả Ngân hàng N1 số tiền nợ gốc 190.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30/8/2024 là 65.357.187 đồng. Tổng cộng 255.357.187 đồng.

Kể từ ngày 31/8/2024, bà Lâm Thị Hồng N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng N1.

Trường hợp trong hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay, theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí:

- Ngân hàng N1 không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.383.929 đồng theo biên lai thu số 00011381, ngày 09/10/2024 của C ục"Cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.
- Bà Lâm Thị Hồng N phải chịu 12.767.859 đồng án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh